

TÔN VINH NƠI ĐÌNH LÀNG ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI ĐỔ ĐẠT MINH CHỨNG CHO TRUYỀN THỐNG TRỌNG HỌC CỦA NGƯỜI NGHỆ AN

■ Lê Thị Thu Hương

Ngôi đình và thứ tự chỗ ngồi ở đình trong sinh hoạt làng xã

Đình là nơi tập trung uy quyền lớn nhất của làng, nơi thực thi các nghi thức cúng rước thần, tổ chức lễ hội, hát xướng, ăn khao, hội họp chức sắc... Vì vậy, thứ bậc ở đình trung hết sức quan trọng, được xem như tiêu chuẩn đình. Việc tôn vinh chỗ ngồi ở đình là một hình thức khuyến khích tinh thần học tập nơi làng xã. Từ bao đời nay, ở nhiều làng quê Việt Nam, một trong những biểu hiện của văn hóa làng là tục trọng xỉ. Do đặc điểm nước ta là nước nông nghiệp, yếu tố thời tiết, thiên nhiên luôn có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, người nắm bắt được quy luật của tự nhiên, người tích lũy được vốn kinh nghiệm không ai khác là các cụ già, chính vì vậy người già trở thành trụ cột, lòng tôn trọng, sự hãnh diện đối với dân làng. Chịu ảnh hưởng sâu sắc từ những triết lý Nho gia, dân gian thường có câu “triều đình trọng tước, hương đảng trọng xỉ” (triều đình xem trọng chức tước, hương đảng xem trọng tuổi tác), trọng xỉ đã hình thành và phát triển thành văn hóa làng. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện, quan niệm của từng nơi mà nó được biểu hiện khác nhau⁽¹⁾.

Khi đạo lý Nho gia thâm nhập sâu vào làng xã, đặc biệt là từ thời Lê Thánh Tông, nửa sau thế kỷ XV, dần hình thành tục trọng tước (coi trọng những người có quan tước, chức tước). Từ thế kỷ XVII, tục trọng tước đã lấn át tục trọng xỉ trong nhiều làng xã ở Việt Nam, dù tục trọng xỉ vẫn được bảo lưu nhưng phải nhường vị trí hàng đầu cho tục trọng tước⁽²⁾. Nửa cuối thế kỷ XIX, niên hiệu Tự Đức thứ 14 (1861), triều đình tiến hành nghị bàn điều lệ về thứ tự chỗ ngồi ở các làng xã khi hội họp và ban sắc mệnh về việc quy định thứ tự chỗ ngồi như sau: “Quan Văn từ thất phẩm trở lên và Âm sinh, Giám sinh, Tú tài xuất thân hàm bát cử phẩm; quan võ từ Suất đội trở lên; các Cử nhân văn, Cử nhân võ trở lên, đều chia tả hữu ngồi ở gian giữa đình. Người nào có việc công đi vắng, phải để trống chỗ đó. Tuổi từ 70 trở lên và quan võ chức Đội trưởng hàm thất phẩm, quan văn các chức tá tạt hàm bát cử phẩm, các chức Thiên hộ, Bá hộ, Chánh tổng, Âm sinh, Tú tài, Quan viên tứ; các chức Thiên hộ, Bá hộ miễn sai dịch do nộp tiền mà có, ngồi gian bên tả. Hạng cùng hàng, chưa đến 70 trở xuống và Lý trưởng, xã dân đều ngồi ở gian bên hữu, phân biệt thứ tự theo tuổi tác (...). Nếu có kẻ phạm tội đồ trở lên, cho ngồi riêng ra một chiếu, kẻ nào làm trái, giải lên quan chiếu luật chống lại quy chế mà trị tội”⁽³⁾. Trên cơ sở sắc mệnh đó, các thôn xã đã đưa ra những quy định riêng về vị trí nơi đình trung của địa phương mình, cụ thể hóa bằng điều ước trong các bản tục lệ.

Vị trí nơi đình trung của các nhà khoa bảng Nghệ An

Tại Nghệ An, các thôn xã đều trọng tước hơn trọng xỉ, luôn dành những vị trí cao nhất nơi đình trung cho những người đỗ đạt khoa trường. Hai xã Đào Viên và Hạnh Lâm, tổng Cao Xá, huyện Đông Thành lập riêng một bản khoán ước về các việc ở đình, trong đó quy định rất rõ về thứ tự chỗ ngồi nơi đình trung “Đình lớn một nhà 5 gian, chính giữa 1 gian, phải trái hai hàng, hàng bên trái thứ tự chỗ ngồi mỗi chiếu trên dưới có khác nhau: chiếu trên cùng (dành cho các vị ngạch) văn đồ đại khoa, Phó bảng, quan có (hàm) tứ phẩm trở lên; chiếu thứ 2 (dành cho) quan viên ngũ, lục thất phẩm đang ở quê, Cử nhân, Giám sinh; chiếu thứ 3 (dành cho) viên chức (hàm) bát, cửu phẩm ở quê, Tú tài”⁽⁴⁾. Xã Văn Viên, phủ Hưng Nguyên trọng khoa hơn trọng tước, quy định “phàm có khoa sắc ngòi thứ 1, hào dịch ngòi thứ 2, thí khóa sinh ngòi thứ 3, hạng dân ngòi thứ 4”⁽⁵⁾.

Thôn Hữu Lập, xã Phương Cẩn, tổng Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu quy định “chiếu thứ nhất bên trái kính đái văn khoa trường, chiếu thứ 2 trở xuống thì thí sinh, khóa sinh, ngoài ra cựu chức phân ngòi theo tuổi tác. Bên phải chiếu thứ nhất kính đái võ chiếu sắc, chiếu thứ 2 trở xuống thì đái Đội trưởng, thư lại, ngũ trường, tân cựu binh đình, ứng nhiều thôn, tiếp theo phân theo tuổi tác, đến

hương lão 60, 70 tuổi trở lên...”⁽⁶⁾. Mỗi khi xã có hội hè, chỗ ngồi bàn thượng thuộc về người khoa trường, đó là định lệ của xã Vĩnh Yên, tổng Yên Trường, phủ Hưng Nguyên “họ tên thứ tự chỗ ngồi khi hội hè, bàn thượng thuộc về người khoa trường chức sắc, bàn tiếp theo thuộc về các cụ từ 60, 70, 80 tuổi trở lên, còn lại cứ theo thứ tự trước sau không được vượt thứ. Nay đặt lệ”⁽⁷⁾.

Chánh phó tổng là những người đứng đầu một tổng, đơn vị hành chính dưới cấp huyện, gồm nhiều thôn xã, tuy vậy thôn Quý Vinh, xã Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu trong mỗi kỳ tế lễ, vị trí trang trọng nhất vẫn giành cho các vị khoa trường, tiếp đến mới là Chánh phó tổng “Đình trong thôn có 3 gian, phàm sau khi tế xong, ngòi chiếu trên gian bên trái là những vị khoa trường, bên phải là những vị có sắc mệnh, tiếp đến là Chánh phó tổng, thượng, trung lão, chủ tế, hào lý cùng người hành lễ, cứ theo thứ tự ngòi. Gian bên phải người ứng lễ cứ theo thứ tự ngòi, gian bên phải hộ binh theo thứ tự ngòi. Nay đặt lệ”⁽⁸⁾.

Thôn Chính Vĩ, tổng Đặng Xá, huyện Nghi Lộc, các vị khoa bảng được xếp



Tôn sư, trọng đạo là truyền thống tốt đẹp của cha ông ta

ngang với các vị thượng thọ trong thôn, như “Người đậu Tiến sĩ, thưởng sắc mệnh, quan hàm Tam phẩm ngồi ở trên cùng với các cụ 100 tuổi; người đậu Phó bảng, thưởng sắc mệnh, quan Tứ, Ngũ phẩm ngồi cùng các cụ 90 tuổi; người đậu Cử nhân, thưởng sắc mệnh, quan hàm Lục, Thất phẩm ngồi cùng các cụ tuổi 80”⁽⁹⁾. Hầu như tất cả các thôn xã tại Nghệ An đều dành vị trí trang trọng nhất: bàn nhất, bàn thượng, chiếu thứ nhất, chiếu trên của gian chính giữa... dành cho người đỗ đại khoa, tiếp theo là dành cho người đỗ trung khoa, tiểu khoa. Trong hàng đại khoa cũng có sự phân biệt rõ rệt: “Lệ trong đình có 6 chiếu: chiếu thứ nhất quan nhất giáp ngôi, chiếu thứ hai quan nhị giáp ngôi, chiếu thứ ba quan tam giáp ngôi, chiếu thứ tư thì quan Phó bảng ngôi, chiếu thứ năm thì Cử nhân ngôi, chiếu thứ sáu Tú tài ngôi”⁽¹⁰⁾. Vị trí ngôi của các vị đỗ đại khoa trường, nhận thưởng sắc mệnh là vô cùng cao quý, nếu chưa có những người đó, vị trí đó được lưu không, không được ngôi lẫn lộn: “Bàn nhất dành cho người đại khoa, nếu chưa có người đại khoa thì người đỗ hương khoa, nếu có người đỗ hương khoa thì người sắc mệnh, nếu chưa có người sắc mệnh thì bàn nhất bỏ trống, không được ngôi lẫn lộn”⁽¹¹⁾.

Sau các kỳ tế lễ như: nhập tịch, tế thần, cầu phúc, hội hè... vào mùa xuân, mùa thu hàng năm, các làng xã thường chiếu theo sổ hương ẩm để làm cỗ và có những quy định cụ thể về việc hưởng cỗ đó: “Ngạch văn từ đại khoa, trung khoa trở lên, quan nhận sắc mệnh từ thất phẩm trở lên, cùng các vị trưởng lão, chủ tế trong làng đều ngồi một người một cỗ. Tú tài, quan hàm bát cử phẩm, hai người một cỗ (...) Đội trưởng, hương lão 60 tuổi, Chánh phó tổng, Lý trưởng, Tri điền hai người 1 cỗ. Văn hội, hương lão 50 tuổi, Biền binh, phó Tri điền, Phó lý, Tuần thôn, Thủ bạ, Thủ dịch... 3 người 1 cỗ, còn lại 4 người 1 cỗ”⁽¹²⁾. Thôn Thiện Ky, xã Hoàng Mai,

tổng Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu quy định về số người trong một mâm khi thôn có cỗ như sau: “Văn khoa trường tự từ đại khoa, trung khoa trở lên, quan sắc mệnh tự thất phẩm trở lên, trúng thi hương, trưởng lão, chủ tế đều ngồi một cỗ. Tú tài, hàm bát cử phẩm hai người 1 cỗ, nếu chưa đủ 2 người thì ngồi 1 người 1 cỗ. Đội trưởng, Hương lão 60, Chánh phó tổng, Lý trưởng, Chánh tri điền 2 người 1 cỗ. Văn hội, các cụ 50, Biền binh, phó Tri điền, Tuần thôn, Thủ bạ, Thủ dịch, đầu mục... 3 người 1 cỗ, còn lại 4 người 1 cỗ”⁽¹³⁾.

Trân trọng đáng sinh thành của các vị khoa bảng, những người đã dày công nuôi nấng, dạy dỗ để con em họ được học hành, đỗ đạt, thôn Quỳnh Đôi, xã Phú Hậu còn dành vị trí trang trọng nơi đình trung cho những người có con đỗ khoa: “Người trúng nhất nhị trường và người có con đỗ khoa ngồi gian bên trái đình, tiếp đến thí sinh, khóa sinh ngồi bên trái của gian trái, rồi đến các vị 70, 60, 50 tuổi trở lên ngồi gian bên phải đình”⁽¹⁴⁾.

Việc bầu người chính bái nơi đình trung cũng chọn người có khoa cử, theo thứ tự từ cao xuống thấp. Nếu thôn, xã đó có người đỗ đại khoa thì bầu làm chính bái, nếu chưa có người đậu đại khoa thì bầu Cử nhân, chưa có Cử nhân thì bầu Tú tài...⁽¹⁵⁾. Quy định về chọn người Chủ tế, Bồi tế, Điền nghĩa, Độc chúc... đều là người có khoa sắc, văn bằng: “Chủ tế chọn người có khoa sắc không mắc lỗi lầm gì, những người Bồi tế là người có văn bằng, viên điền nghĩa có văn bằng, người Độc chúc là khóa sinh nhất, nhị trường, lúc sắp tế khăn áo nghiêm chỉnh”⁽¹⁶⁾.

Kết luận

Ngôi đình là biểu tượng của làng xã Việt Nam. Trong tâm thức của người dân, đình còn là nơi thờ Thành hoàng, là chỗ để các vị chức sắc trong làng bàn định công việc. Vị trí, thứ bậc trong hương đảng thường đi cùng những lợi ích về vật chất, tinh thần và uy thế của mỗi cá nhân. Khác với tục lệ một số nơi như hương ước xã Bồng Trung, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; hương ước làng Mộ Trạch, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương; hương ước làng Kim Đôi, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội..., tục trọng xỉ, trọng tước luôn được đề cao. Tại Nghệ An, tục trọng khoa đặc biệt được coi trọng trong

các bản hương ước, đặc biệt vào giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Bên cạnh các hình thức vinh người đỗ đạt như đề danh khoa bảng trong văn bia, gia phả, tài liệu đăng khoa lục, lễ vinh quy bái tổ... tôn vinh chỗ ngồi nơi đình trung đối với những người chuyên tâm dốc sức vào học tập, giành được những kết quả đáng ghi nhận trong khoa cử là một hình thức khuyến học mang ý nghĩa thực tế. Việc dành một “chỗ ngồi cao nhất cho người đỗ đại khoa” hay “gian chính giữa người ngồi trên duy chỉ có người khoa mục và các cụ 70 tuổi trở lên” đã thể hiện rõ tinh thần coi trọng học tập, coi trọng khoa bảng, vượt lên truyền thống “trọng xỉ”, “trọng tước” vốn tồn tại lâu dài ở nhiều địa phương ở nước ta. Sự ưu ái chỗ ngồi nơi đình làng đối với những người đỗ đạt khoa trường là một minh chứng cho truyền thống trọng học và là động thái khuyến học mạnh mẽ, mang lại hiệu quả cao mà người dân Nghệ An đã từng thực hiện./.

Chú thích:

(1) Đỗ Thị Hà Thơ, 2009, Tục trọng xỉ trong văn bản hương ước chữ Hán Triều Tiên thế kỷ XVII, XVIII, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 3, tr.69-743.

(2) Vũ Duy Mên, 2009, Ảnh hưởng của đạo lý Nho gia đối với hương ước làng xã cổ truyền Việt Nam in trong *Nghiên cứu tư tưởng Nho gia Việt Nam từ hướng tiếp cận liên ngành*. Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam, Viện Harvard-Yenching Hoa Kỳ, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.808.

(3) “文七品以上並八九品之廢監秀才出身、武出隊以上、科場文武舉人以上、各分左右列坐亭正中間。如公出宜留置虛席。年七十以上並武七品之隊長、文八九品之佐雜人、九品之千百戶、正總、廢監秀才員子並納捐之；千百戶免差免徭均列在左間。相同尚齒年未七十以下及里長社民均列在右間、以齒為序(…)如有徒罪以上、別席列坐、違者解官罔違制律治”，國朝律例撮要(卷中)，R.1547, t.27a,b. (kí hiệu sách tại Thư viện Quốc gia Hà Nội).

(4) 大亭壹屋五間，正中壹間，左右二行，左行坐次每席上下有差：上一席文大科，副榜，四品官以上第；二席五六七品官員在貫，舉人，監生；第三席八九品員職在貫秀才”，桃園杏林二社

四派亭中事例券約，HUN.809, t.1,2.

(5) “凡有科教坐次第一，豪役坐次第二，試課生坐次第三，民項坐次第四”，又安省興元府文園文園社俗例，AF.b1/21, t.16b.

(6) “次左行之第壹席敬待文科場，第貳席以下則試生，課生；散階舊職以次分坐以齒為序。右行之第壹席敬待武韶色；第貳席以下則隊長，書吏，伍長，新舊兵丁，應饒村以次分坐以上齒為序；至於鄉老六七十以上”，芳芹社有立村，VHv.1824.

(7) “一係當會坐次姓名上盤由科場，織色員，繼次盤由老饒年六十七八十以上、餘據次先後例無越次、茲例”。又安省興元府安場總永安社俗例，AF. b1/2, t.16a.

(8) “亭中三間凡祭畢之後間左床上坐科場、右床上坐教命、次及正副總上中老主祭臺里應行禮、據次列坐、左間應禮人據次列坐、右間兵戶據次列坐茲例”，黃梅德各社村鄉俗，VHv.1824, t.32a.

(9) 又安省宜祿縣鄧舍德政偉村俗例，AF.b1/25.

(10) 又安省興元府海都德裝社裝洲村俗例，AF.b1/12, t.28b.

(11) 又安省興元府文園德衛正村俗例，AF.b1/20.

(12) 黃梅德各社村鄉俗(黃梅社善騎村)，VHv.1824, t.39b.

(13) “一例坐具文科自大科中科以上官教命自七品以上及鄉中長老主祭各坐壹具、秀才八九品銜二人壹具、若未備貳人之數亦坐壹具不可分索、隊長[。]鄉老陸拾正副總里長正知田貳人壹具、亭中文會老[40a]五拾并兵副知田副里巡村守簿守役頭目守[。]各叁人壹具存肆人壹具”，黃梅德各村鄉俗(善騎村)，VHv.1824, t.39b.

(14) “一二場與有子登科者均坐在亭之左間、至如試生課生坐在左邊之左、其座老年登七十以至六十五十以上坐次在亭之右間”，瓊堆村鄉例，VHv.2675/1, t.3a.

(15) “本村有會科者舉為正拜，未有會科者舉人為正拜，未有舉人者舉秀才為正拜”又安省興元府扶龍總清烈村俗例，AF.b1/16, tr.10a.

(16) “主祭員擇有科色無緣故者，陪祭諸員有文憑者，典儀員預有文憑，讀祝人試課生一二場，臨祭辰衣冠嚴整”。又安省興元府扶龍總校美村俗例，AF.b1/16, tr.2b,3a.

Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Duy Mên, 2009, Ảnh hưởng của đạo lý Nho gia đối với hương ước làng xã cổ truyền Việt Nam in trong *Nghiên cứu tư tưởng Nho gia Việt Nam từ hướng tiếp cận liên ngành*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam, Viện Harvard - Yenching Hoa Kỳ, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.808.

2. Đỗ Thị Hà Thơ, 2009, Tục trọng xỉ trong văn bản hương ước chữ Hán Triều Tiên thế kỷ XVII, XVIII, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 3, tr.69-743.

3. Các văn bản tục lệ của Nghệ An hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Thư viện Khoa học xã hội và Thư viện Quốc gia Hà Nội.